

PHONG CÁCH NGOẠI GIAO HOÀNG ĐẾ LÊ HOÀN QUA QUAN HỆ VIỆT NAM - TRUNG QUỐC VÀ CHIÊM THÀNH

VŨ DƯƠNG HUÂN*

Lê Hoàn sinh năm Tân sửu 941 và mất tháng 3 năm Ất ty 1005, Hoàng đế đầu tiên của thời tiền Lê. Ông sinh ở làng Bảo Thái, xã Liêm Cần, huyện Thanh Liêm, Hà Nam, sau về sống ở Xuân Lập, Thọ Xuân, Thanh Hóa. Ông nội là Lê Lộc, thân phụ ông là Lê Mịch và mẹ họ Đặng Thị Sen. Cha, mẹ mất sớm được một viên quan sát họ Lê nuôi. Lớn lên, ông theo giúp Đinh Liễn, lập nhiều công trạng và khi nhà Đinh được thành lập (năm 968), ông được phong chức Thập đạo tướng quân.

Cuối năm 979 Hoàng đế Đinh Tiên Hoàng cùng con trai cả Nam Việt vương Đinh Liễn bị tên quan hầu là Đỗ Thích giết hại. Triều thần đưa Vệ vương Đinh Toàn mới 6 tuổi lên làm Vua. Thập đạo tướng Lê Hoàn làm phụ chính. Các đại thần Nguyễn Bặc, Đinh Điền và Phạm Hạp, vốn là các tướng cũ của Đinh Tiên Hoàng nghi ngờ Lê Hoàn có ý định cướp ngôi nên đã chống lại và đưa quân về kinh

để tìm cách tiêu diệt ông. Cuộc chiến xảy ra, các đại thần trên đều bị giết.

Lợi dụng tình hình trên, nhà Tống quyết định đem quân xâm lược nước ta. Trước nguy cơ nạn ngoại xâm đang đến gần, Thái hậu Dương Vân Nga, mẹ đẻ của Vua Đinh Toàn đã cử Lê Hoàn làm Tổng chỉ huy quân đội chuẩn bị kháng chiến. Trong một buổi hội triều mùa Thu năm 980 bàn việc chống giặc, Đại tướng Phạm Cự Lượng cùng các tướng lĩnh đã kiến nghị Lê Hoàn lên làm Vua và cũng vì lợi ích xã tắc nên Thái hậu Dương Văn Nga đã sẵn sàng hy lợi ích dòng tộc, tán thành đề xuất của tướng sỹ. Lê Hoàn lên ngôi lấy niên hiệu là Thiên phúc, giáng phong Vua Đinh Toàn làm Vệ vương. Ông ở ngôi được hơn 24 năm, vẫn giữ quốc hiệu là Đại Cồ Việt và Thủ Đô Hoa Lư; tiếp tục sự nghiệp của nhà Đinh xây dựng chế độ phong kiến tập quyền. Hoàng đế Lê Hoàn không những có tài về quân sự, đánh đâu được đấy, giữ yên bờ cõi, giải nội trị mà còn là

* PGS.TS. Vũ Dương Huân, Vụ trưởng, Trưởng Ban Nghiên cứu Lịch sử ngoại giao, Bộ Ngoại Giao

nhà ngoại giao xuất sắc, có phong cách riêng. Ông đã để lại nhiều di sản quý góp phần làm phong phú kho tàng ngoại giao truyền thống của dân tộc.

Đã có những công trình viết về ngoại giao của Vua Lê Hoàn, song chưa sâu, chưa toàn diện. Việc tiếp tục đi sâu tìm hiểu tư tưởng, phong cách, nghệ thuật ngoại giao của Hoàng đế Lê Hoàn đương nhiên là việc làm hữu ích. Đây chính là mục đích của bài viết này.

1. Không khuất phục trước sự đe dọa và sức ép của kẻ thù

Quyết định xâm lược Việt Nam, trong khi chuẩn bị tấn công nước ta, tháng 9/980 Vua Tống Thần Tông sai sứ giả là **Lý Đa Tốn** mang tới hậu thư cho Vua Lê Hoàn với giọng đầy hăm dọa, thô bạo và hống hách của kẻ xâm lược. Thư có đoạn viết: "...Nay thánh triều lòng nhân trùm khắp muôn nước, cơ nghiệp thái bình kể cũng đã thịnh. Lễ phân phòng đã sắp đặt sẵn, còn đợi người đến chúc sức khoẻ của ta. Người đừng ru rú trong bốn góc nhà khiến cho ta buồn phiền, phải chém cờ bố so* làm cỏ nước người, hối sao kịp... Người có theo về hay không? Chớ mau chuốc lấy tội. Nay ta đang chỉnh đốn xe cộ quân lính, truyền hiệu lệnh chiêng trống. Nếu chịu theo giáo hoá, ta sẽ tha tội cho, nếu trái mệnh ta sẽ sai quân đánh. Theo hay không, lành hay dữ, tự người xét lấy..."⁽¹⁾.

Đứng trước sự đe dọa của nhà Tống, Lê Hoàn không hề nao núng, không đầu hàng, sẵn sàng đương đầu với quân xâm lược. Tuy nhiên, để kéo dài thời gian hòa hoãn, tranh thủ thêm thời gian cho việc

chuẩn bị chống ngoại xâm, Hoàng đế Lê Hoàn đã lấy danh nghĩa Đinh Toàn viết thư cho Vua Tống thỉnh cầu xin nối nghiệp cha và sai Giang Cự Vọng, Vương Thiệu Tộ đi sứ mang thư sang nhà Tống. Nội dung thư rất nhún nhường, mềm mỏng và rất sách lược, cũng chỉ xin làm Tiết độ sứ. Thư viết: "Cha thân và anh thân đều đội ơn thương quốc, lạm mang trách nhiệm ở biên thùy giữ gìn bờ cõi, đâu dám phi vi. Nhưng công đánh giặc chưa có mà vạ đã qua đời, thân đang lúc nhà cửa sắp hư, áo tang chưa bỏ, thì những quân dân thông lại, các dòng họ phiên tù cùng các kỳ lão trong nước, đến chỗ cử tang xin thân tạm giữ việc quân, việc nước. Thân đã cố từ ba, bốn lần nhưng họ cố nài ép mãi... nếu không theo ý, sợ sinh biến khác, cho nên thân đã tạm giữ chức Tiết độ hành quân tư mã, kiêm lĩnh việc quân trong châu. Cúi xin phong cho sắc mệnh, được kể vào hàng phiên thân, để yên ủi tấm lòng tận trung của phúc đáp. Nhà Tống tỏ ra rất bức tức, quyết không nghe vì họ đã biết Lê Hoàn xưng đế, đổi niên hiệu, không có ý khuất phục. Mặt khác, triều đình nhà Tống muốn nhân cơ hội nước Đại Cồ Việt Vua Đinh và con cả Đinh Liễn bị giết, mâu thuẫn dòng tộc gay gắt, Lê Hoàn lên ngôi chưa được nội bộ hoàn toàn đồng tình, chưa được Thiên triều chuẩn y, nhằm "chiếm lấy nước Việt ta"⁽²⁾. Vua Tống đã sai Trương Quyên mang thư trả lời: "Họ Đinh truyền nối ba đời, trăm muốn cho Toàn làm thống soái, khanh làm phó. Nếu Toàn tướng tài chẳng có, vẫn còn trẻ con, thì nên bảo cả mẹ con cùng thân thuộc sang quy phụ. Đợi khi bọn họ vào châu ắt

sẽ có diễn lễ ưu đãi và sẽ trao cờ tiết cho khanh. Nay có hai đường, khanh nên chọn một”⁽³⁾. Lê Hoàn bác tối hậu thư, quyết tâm lãnh đạo quân dân Đại Việt chống xâm lược. Tháng 4/981, 10 vạn quân nhà Tống theo ba đường thủy bộ kéo sang nước ta. Hoàng đế Lê Hoàn tự thân cầm quân ra trận. Tại sông Bạch Đằng một cánh quân thủy bị quân ta đánh tan, thiệt hại nặng nề phải tháo chạy về Quảng Châu. Ở Chi Lăng, cánh quân bộ do tướng Hầu Nhân Bảo chỉ huy bị phục binh của quân ta tiêu diệt. Hầu Nhân Bảo bị giết tại trận và tàn quân phải tháo chạy về nước. Một cánh quân thủy khác của địch tiến thẳng về Hoa Lư định bất ngờ thọc sâu vào nội địa, chặn viện binh của ta từ kinh đô tiếp ứng cho mặt trận Chi Lăng, Bạch Đằng. Tại Tây Kết (Khoái Châu, Hưng Yên), quân Tống bị chặn đánh và thiệt hại nặng, âm mưu thâm độc của quân xâm lược bị đập tan. Sau chiến thắng ở Bạch Đằng, Chi Lăng, đại quân của ta kéo về Tây Kết bồi thêm cho thủy quân Tống một đòn chí tử và quân sỹ “...chết đến quá nửa, thây chết đầy đồng, bắt được tướng giặc là Quách Quang Biện và Triệu Phụng Huân...”⁽⁴⁾. Với trận Tây Kết, cuộc kháng chiến chống Tống xâm lược lần thứ nhất của quân dân Đại Cồ Việt đã nhanh chóng kết thúc toàn thắng.

2. Trên thế thắng về quân sự vừa kiên quyết vừa khôn khéo tấn công ngoại giao đánh bại hoàn toàn ý đồ phục thù của nhà Tống

Tống là nước lớn nên sau thất bại trong việc xâm lược Đại Cồ Việt, chắc chắn sẽ

tìm cách báo thù do vậy đường lối ngoại giao của Hoàng đế Lê Hoàn là phát huy chiến thắng quân sự, tiếp tục chủ động tấn công ngoại giao, khôn khéo ép Tống từ bỏ ý đồ đánh báo thù. Chính vì vậy, Vua Lê Hoàn đã chủ động khôi phục lại quan hệ hữu hảo giữa hai nước. Từ năm 982- 985, Hoàng đế Lê Hoàn đã chủ động nối lại giao lưu, cử sứ giả sang thông hiếu, xin kinh Phật, tu cống và đặt quan hệ buôn bán. Ngược lại, nhà Tống cũng cử phái bộ sang thăm viếng khôi phục quan hệ bình thường. Phong cách ngoại giao của Hoàng đế Lê Hoàn tỏ ra vừa cứng rắn, song nhiều khi cũng rất khôn khéo, mềm mỏng, sách lược và có những đặc điểm sau.

Thứ nhất, chủ động khôi phục quan hệ ngoại giao và cứng rắn trong việc giải quyết vấn đề trả tù binh. Ông chưa trả ngay tù binh bị bắt trong chiến tranh, trong đó có hai tướng. Mãi 5 năm sau cuộc chiến, ông mới nhận giải quyết vấn đề này. Tháng 10 năm 986, Vua Tống phái Lý Nhược Chuyết và Lý Giác mang chế sách sang phong cho Lê Hoàn làm An Nam đô hộ Tĩnh hải quân tiết độ sứ kinh triệu quận hầu và nhận tù binh. Lê Hoàn đã trao trả hai tướng Quách Quân Biện, Triệu Phụng Huân và các binh sỹ bị bắt. Lê Hoàn đâu có phải là tiết độ sứ của địa phương nào đó của Trung Quốc, ông đã lên ngôi Hoàng đế, song việc phong tiết độ sứ cho Lê Hoàn chứng tỏ triều đình nhà Tống đã thừa nhận Lê Hoàn là người nắm quyền thực sự ở Đại Cồ Việt và từ bỏ ý đồ đánh báo thù. Mặt khác, ông muốn cho nhà Tống biết: Đại Cồ Việt là nước giàu có và có văn hiến. Ông luôn tranh thủ cơ hội để quảng bá đất nước Đại Việt. Trong

những buổi tiệc chiêu đãi hai sứ giả nhà Tống sang phong tiết độ sứ cho Lê Hoàn năm 986, ông đã tổ chức "... lễ thiết đãi rất hậu, hàng ngày đem những thứ quý lạ bày chật cả sân"⁽⁵⁾. Có nhà nghiên cứu đã nhận xét: Đó chính là một cách giới thiệu sự giàu có, phồn vinh của đất nước⁽⁶⁾. Đồng thời, ông luôn tìm cách quảng bá với sứ giả Trung Hoa, rằng Đại Cồ Việt cũng như Trung Quốc còn là nước văn hiến. Lịch sử đã ghi lại việc nhà Vua đón tiếp Lý Giác, sứ giả của nhà Tống mùa Xuân năm 987. Lý Giác là văn thân, học thức rộng, yêu thích văn thơ và cũng rất giỏi văn thơ. Lê Hoàn đã cử nhà sư Đỗ Thuận, người học rộng, văn thơ hay, có tài đối đáp tham gia tiếp sứ giả với hàm ý cho nhà Tống biết nước ta là nước văn hiến, có nhiều nhân tài, trí thức. Sư Đỗ Thuận giả làm người chèo thuyền lên đón sứ tại chùa Sách giang (hạ lưu sông Thương, thuộc huyện Nam Sách, Hải Dương). Lý Giác đứng ở mạn thuyền, nhìn sông nước và hai con ngỗng bơi dưới sông liền ngâm hai câu thơ:

Nga nga lưỡng nga nga,

Ngưỡng diện hướng thiên nha.

Người lái đò liền họa tiếp:

Bạch mao phô hồng thủy,

Hồng trạo bãi thanh ba.

Dịch:

Ngỗng ngỗng, hai con ngỗng

Ngửa mặt nhìn chân trời.

Nước xanh phô lông trắng

Chèo hồng đẩy sóng xanh.

Bốn câu thơ hợp thành bài thơ tuyệt hay. Lý Giác vô cùng khâm phục vì thấy

một người lái đò bình thường mà cũng biết làm thơ, họa thơ và ứng đối cực kỳ nhanh, thông minh. Ông lại càng khâm phục hơn bởi hai câu thơ ông ngâm có sẵn trong bài thơ tứ tuyệt của nhà thơ nổi tiếng Lạc Tân Vương thời Đường. Ông thay đổi vài chữ cho hợp cảnh, hợp tình, thì người lái đò ngâm hai câu tiếp và cũng thay đổi vài chữ cho phù hợp. Qua người lái đò, Lý Giác khâm phục trình độ văn hiến, tài trí người Việt Nam.

Khi đến Hoa Lư, Lý Giác làm một bài thơ tặng người lái đò thi sỹ.

Dịch nghĩa:

May gặp thời bình được giúp mưu,

Một mình hai lượt sứ Giao Châu.

Đông Đô mấy độ còn lưu luyện,

Nam Việt nghìn trùng vẫn ước cầu.

Ngựa vượt đá mây xuyên đá chỏm,

Xe qua rừng biếc vượt dòng sâu.

Ngoài trời lại có trời soi nữa,

Sóng lặng khe đầm bóng nguyệt thâu⁽⁷⁾.

Trong bài thơ của sứ giả Lý Giác có câu: "*Thiên ngoại hữu thiên ứng viễn chiếu*". Câu này có nghĩa là: *Ngoài trời lại có trời soi nữa*. Nhà sư chủ trì chùa Phật Đà, Ngô Khuông Việt nhận xét: Thơ này tôn Vua Lê Hoàn không khác gì Vua Tống. Vua Lê Hoàn sai Khuông Việt làm bài khúc để tiễn sứ thân. Thời Tống, thể khúc rất thịnh hành và là thể loại rất khó. Việc Hoàng đế Lê Hoàn sai nhà sư Khuông Việt làm bài khúc một mặt, tỏ trọng thị, lòng mến khách, sự lịch thiệp của dân tộc Việt Nam; mặt khác, cũng để cho người phương Bắc thấy nước ta có nền

văn hiến cao, có không ít người tài giỏi.
Bài khúc như sau:

Dịch nghĩa:

Nắng tươi gió thuận cánh bướm giương,

Thần tiên lại đế hương.

Vượt sóng xanh muôn dặm trùng dương,

Về trời xa đường trường.

Tình thâm thiết,

Chén lên đường.

Vin xe sứ vấn vương.

Xin đem thâm ý vì Nam cương,

Tâu vua tôi tỏ tường⁽⁸⁾.

Khi chào từ biệt Vua Đại Việt trở về nước, sứ thần Lý Giác tỏ ra rất lưu luyến và đặc biệt hơn nữa, ông còn “lạy ra về”⁽⁹⁾. Đây là trường hợp hiếm có. Thông thường sứ thần “thiên triều” sang nước ta đều hống hách, ngạo mạn, thậm chí coi thường cả Vua Đại Việt. Lần này, sứ thần Lý Giác đã lạy ra về. Như vậy ắt hẳn ông rất kính trọng, khâm phục Hoàng đế Lê Hoàn và có ấn tượng sâu sắc về nền văn hiến Đại Cổ Việt.

Thứ ba, phô trương sức mạnh quân sự của đất nước, thay đổi cách tiếp đón sứ thần nhằm đề bẹp thái độ hống hách của sứ thiên triều. Năm 990 Vua Tống cử Tống Cảo làm chánh sứ và Vương Thế Tắc làm phó sứ mang chiếu thư sang phong cho Lê Hoàn thêm chức “Đặc tiến”. Sứ giả có thái độ khá hống hách. Lê Hoàn thay đổi cách ứng xử, điều chỉnh cách tiếp, đón sứ thần. Lê Hoàn sai Đinh Thừa Chính mang 9 chiến thuyền lớn và 300 quân sang tận Liêm Châu, Quảng Đông đón sứ thần theo đường biển đến sông Bạch

Đằng, theo yêu cầu của sứ giả. Tiếp đến, Lê Hoàn cho thao diễn quân sự gồm cả thủy quân và bộ binh khi đón sứ ở gần Kinh đô Hoa Lư. Quân sỹ hò reo, khí giới rợp trời. Tất cả những thứ đó thực sự là cuộc biểu dương lực lượng, uy hiếp tinh thần sứ giả. Đặc biệt hơn, Vua Lê Hoàn cho tổ chức yến tiệc chiêu đãi sứ thần rất long trọng, song không phải trong lâu đài tráng lệ mà ở bãi biển để chủ và khách vừa ăn, vừa ca hát và vừa lấy trò đấm, bắt cá làm vui theo tinh thần lễ hội của người Việt. Vua và các quan đều cởi đai, mũ, hia để nhảy múa và đấm cá. Nhiều lúc vua Lê Hoàn tự hát mời rượu sứ thần. Sứ giả thiên triều thấy rất bất tiện, lúng túng, khó xử, không dám làm theo. Nếu cởi mũ áo, hia, đai thì còn đâu là sự oai phong của sứ giả thiên triều. Rồi Lê Hoàn cho mang con trăn lớn đến sứ quán hỏi thiên sứ nếu ăn được sẽ làm tiệc thết đãi. Lần khác Vua Lê Hoàn lại đưa đến hai con hổ để sứ Tống ngoạn thưởng. Cả hai lần sứ giả nhà Tống đều khiếp sợ và từ chối. Khi Tống Cảo và Vương Thế Tắc chào từ biệt về nước, Hoàng đế Lê Hoàn nói thẳng với sứ thần: “Sau này có quốc thư thì nên cho giao nhận ở đầu địa giới, khỏi phải phiền sứ thần đến tận đây nữa. Cảo về tâu, vua Tống bằng lòng”⁽¹⁰⁾. Từ đấy, trong một thời gian dài, nước ta không phải đón tiếp sứ thiên triều, tránh được hành động hống hách của sứ thần.

Cách tiếp đón sứ thiên triều của Hoàng đế Lê Hoàn thật độc đáo. Với sứ thần có thái độ tao nhã, lịch thiệp, thích văn thơ, ông đón lịch thiệp, phô trương văn hóa, nhân tài đất nước. Còn đối với sứ thần hống hách, kiêu ngạo thì bằng nhiều cách,

liên tục uy hiếp tinh thần thiên sứ.

Thứ tư, tỏ thái độ cứng rắn với cả Vua Tống. Khi đón Tống Cảo và Vương Thế Tắc ở cửa Minh Đức, Lê Hoàn cầm cương ngựa cùng đi với sứ thần và bưng chế thư lên trên điện, song không lấy với lý do bị ngã ngựa ở chiến trường. Ba năm sau vào năm 993 triều Tống lại cho sứ thần sang phong cho Lê Hoàn làm Giao Chỉ Quận vương, cao hơn những lần phong trước và các đời trước. Đó thực sự là chiến công ngoại giao của Hoàng đế Lê Hoàn. Và năm 997 Vua Tống lại phong cho ông làm Nam Bình Vương, cao hơn Giao Chỉ Quận vương.

Để gây sức ép với triều đình nhà Tống, Lê Hoàn cho quân địa phương đánh sang trấn Như Hồng, thuộc Khâm Châu và Ung Châu. Quan quân Tống ở Quảng Tây và Liêm Châu tâu với triều đình về những sự kiện trên, song Vua Tống biết vậy lẽ đi vì sợ xảy ra đụng độ lớn với Đại Việt. Năm 996, Vua Tống còn cử Lý Nhược Chuyết mang đai ngọc và chiếu thư gia phong cho Lê Hoàn, với mục đích mong Đại Cồ Việt tiếp tục giữ quan hệ láng giềng tốt với nhà Tống. Lê Hoàn ra tận ngoài thành đón sứ giả, song cũng không lấy khi nhận chiếu thư và đai ngọc. Khi Lý Nhược Chuyết hỏi về việc đánh trấn Như Hồng, Lê Hoàn nói thẳng với giọng thách thức: Việc cướp trấn Như Hồng là do bọn giặc biển ở cõi ngoài, Hoàng đế có biết đó không phải là quân Giao Châu không? Nếu Giao Châu có làm phản thì đầu tiên đánh vào Phiên Ngung, thứ đến Mân Việt, há chỉ dừng ở trấn Như Hồng mà thôi?⁽¹¹⁾

Một câu trả lời đầy khí phách của vị Hoàng đế một nước Đại Cồ Việt nhỏ bé so

với một cường quốc thế giới lúc đó là Trung Quốc.

3. Vừa củng cố bang giao với nhà Tống, ngăn chặn Tống đánh báo thù, vừa củng cố quan hệ với Chiêm Thành, tránh cùng một lúc bị ép từ hai mặt

Lê Hoàn là ông vua nhìn xa thấy rộng, có tầm nhìn chiến lược. Nếu cùng một lúc bị cả đối thủ phương Bắc và cả kẻ thù phương Nam đe dọa thì đó là điều cực kỳ nguy hiểm đối với Đại Cồ Việt. Nhà Tống là đối thủ lớn, còn Chiêm thành cũng ngang sức ngang tài, không kém nước Việt ta. Năm 980, sau khi lên ngôi Hoàng đế, biết rằng, sớm muộn nhà Tống sẽ xâm lược nước ta, Vua Lê Hoàn đã cử sứ giả là Từ Mục và Ngô Tử Canh sang Chăm pa đặt quan hệ hòa hiếu nhằm giữ yên mặt Nam, tập trung sức đối phó với xâm lược từ phía Bắc. Vua Chăm pa cậy thế hùng mạnh đã bắt giữ các sứ giả, khước từ việc xây dựng quan hệ láng giềng hoà hiếu với Đại Cồ Việt. Trước đó theo lời xúi giục của Ngô Nhật Khánh, phò mã nhà Đinh, lợi dụng Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn bị sát hại, Vua Chăm pa đã cho hạm thuyền dự định xâm lược khu vực miền Nam nước ta. Do bão hạm thuyền bị đánh chìm nên Vua Chăm pa buộc phải rút về nước. Chính vì vậy, cho nên sau khi đánh tan quân Tống, vào năm 982 Hoàng đế Lê Hoàn đã đích thân mang quân xuống phương Nam, hỏi tội Chiêm Thành. Mục đích chính của cuộc hành quân là khởi đầu xây dựng quan hệ hòa hiếu lâu dài với nước láng giềng phía Nam. Quân Đại Cồ Việt tiến thẳng đến kinh đô Chăm pa. Chăm pa đầu hàng, sau

đó quân Việt rút về nước. Đại Việt sử ký toàn thư viết: Vua thân đi đánh Chiêm thành. Chiêm Thành thua to, chém được Be Mi Thuế (có lẽ là Vua Chiêm) tại trận, bắt được quân sỹ nhiều vô kể và một năm thì trở về Hoa Lư⁽¹²⁾. Từ đây Chiêm Thành giữ quan hệ hòa hiếu với nước Việt ta. Chúng ta có điều kiện tập trung lo mặt Bắc. Củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị là chính, song Đại Cồ Việt sẵn sàng đánh trả khi bờ cõi bị xâm phạm.

4. Cơ sở chính sách ngoại giao thế mạnh của Lê Hoàn

Phải có thế như thế nào, sức mạnh như thế nào Vua Lê Hoàn mới có phong cách ngoại giao mạnh mẽ như vậy. Ngoại giao luôn luôn gắn với sức mạnh quốc gia, quốc gia mạnh không mạnh, không thế có ngoại giao mạnh. Bác Hồ nói: “Thực lực mạnh, ngoại giao sẽ thắng lợi. Thực lực là cái chiêng mà ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to tiếng mới lớn”⁽¹³⁾.

Thứ nhất, nhà Tống có khó khăn, luôn phải đối phó với các nước thù địch. Năm 960 Triệu Khuông Dẫn thay thế nhà Hậu Chu, lập ra nhà Bắc Tống. Với phương châm Nam trước Bắc sau, nhà Tống đã thu gọn các vùng đất phương Nam là Kinh Châu, Hồ Nam, Nam Hán (971), Bắc Hán (976) thống nhất Trung Quốc. Tuy nhiên Bắc Tống hai lần đánh nước Liêu đều thất bại. Năm 1004 phải giảng hòa và nộp phạt cho Liêu 20 vạn lạng bạc, 20 vạn tấm lụa. Sau lại phải đối phó với Tây Hạ, mặc dù Tây Hạ chủ động giảng hòa, tự xưng là “thần”, song Bắc Tống cũng bị thiệt hại rất nặng, phải nộp cho Tây Hạ mỗi năm 7

vạn lạng bạc, 15 vạn tấm lụa, ba vạn cân chè. Nhà Bắc Tống là nước lớn, song luôn luôn phải đối phó với các nước thù địch cho nên nhiều khi ở vào thế rất khó khăn, phức tạp, ở vào thế yếu. Tuy vậy vẫn mang quân xâm lược Việt Nam.

Thứ hai, nhà nước trung ương tập quyền Đại Cồ Việt đang trong quá trình phát triển mạnh. Sau khi dẹp được loạn 12 sứ quân, Đinh Tiên Hoàng bắt đầu xây dựng nhà nước trung ương tập quyền. Khi Lê Hoàn lên ngôi, nhà nước phong kiến tập quyền đã tồn tại và phát triển được 14 năm: kinh tế phát triển, quân đội khá vững mạnh và về mặt ngoại giao đã có vị thế mới, khác trước. Nhà sử học Phan Huy Chú viết: “Nước ta từ thời Hùng Vương mới bắt đầu thông hiếu với Trung Quốc, nhưng danh hiệu còn nhỏ, không được dự vào hàng chư hầu hội triều ở nhà Minh Đường. Rồi bị Triệu Đà kiêm tính, nhà Hán phong Đà làm Nam Việt vương, chỉ được sánh với chư hầu của Trung Quốc, chứ chưa được nêu là một nước. Đến sau nội thuộc vào nhà Hán, nhà Đường, bèn thành quận huyện. Đến khi Đinh Tiên Hoàng bình định các sứ quân, khôi phục, mở mang bờ cõi, bấy giờ điển lễ sách phong của Trung Quốc mới nhận cho đứng riêng là một nước”⁽¹⁴⁾.

Thứ ba, nhân tố quan trọng nhất, cơ bản nhất là Lê Hoàn đã đập tan cuộc xâm lược của triều đình nhà Tống, bắt sống nhiều tù binh và cả tướng giặc, làm cho nhà Tống khiếp đảm, trong một thời gian dài luôn luôn kiêng Đại Cồ Việt. Ngoại giao của Đại Việt có thực lực, có chiến thắng quân sự làm cơ sở. Nếu chúng ta

không đập tan cuộc xâm lược của triều đình nhà Tống tháng 4/981 thì không thể có thể và khí phách ngoại giao như vậy. Dư âm đại thắng quân Tống của Lê Hoàn còn để lại đến đời con, cháu. Vua Lê Hoàn chết, các con tranh giành ngôi đánh giết lẫn nhau. Khi đi sứ về, Hành quân vương là Minh Đế thấy trong nước có loạn nên trú lại Quảng Châu, quan địa phương không cấp giấy quán khoán cho về. Vua Tống xuống chiếu cho riêng 50 vạn quan tiền và thóc và tiếp tục cấp quán khoán. Bọn họ nhiều lần xin Vua Tống nhân dịp có loạn đánh Đại Việt, song Vua Tống vẫn gạt đi và cử Thiệu Việp sang bảo anh em Long Đĩnh dàn xếp với nhau.

Thứ tư, Lê Hoàn đã xây dựng quan hệ láng giềng thân thiện với Chiêm Thành, nước láng giềng phía Nam, nâng được vị thế địa chiến lược của nước ta, ngăn chặn được âm mưu của người láng giềng lớn ở phương Bắc đe dọa bị tấn công nước ta với hai gọng kìm.

Cuối cùng là tính cách của Hoàng đế Lê Hoàn. Ông vừa là nhà quân sự lại là ông Vua có bản lĩnh, có tính cách mạnh mẽ, kiên quyết, song cũng rất khôn khéo, linh hoạt. Tính cách ấy tạo dấu ấn trong phong cách ngoại giao.

*

* *

Tóm lại, tư tưởng, phong cách ngoại giao của Hoàng đế Lê Hoàn thật là độc đáo. Ông có tư duy ngoại giao chiến lược: dùng ngoại giao ngăn chặn nhà Tống báo thù, trừng trị Chiêm Thành với mục đích xây quan hệ láng giềng thân thiện, tránh

bị ép từ hai phía; phong cách rất cứng rắn, song cũng rất linh hoạt, uyển chuyển, không cứng nhắc như nhún nhường trong viết thư cho Vua nhà Tống, trong cách đón tiếp sứ thần. Cứng rắn là nét chính phong cách của ông. Phương pháp và nghệ thuật ngoại giao không kém phần sâu sắc. Ông đã khéo lợi chiến thắng trên chiến trường trong đấu tranh ngoại giao, biết kết hợp biểu dương sức mạnh quân sự với ngoại giao, biết quảng bá văn hiến, sự giàu mạnh của nước mình. Ông cũng biết sử dụng một cách khéo léo, linh hoạt việc tiếp đón sứ giả thiên triều, con bài tù binh... Tất cả đã làm phong phú thêm kho tàng ngoại giao truyền thống Việt Nam./

CHÚ THÍCH

- * Nguyên văn: “tiết phan đoạn tiết”. Tiết là con so để làm tin, khi tướng ra trận thì bỏ đôi giao cho một nửa.
- 1, 2, 3, 4, 5. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb., Văn hoá - Thông tin, Hà Nội- 2000, t.1. tr.318-319, tr. 320, tr.320, tr.323, tr. 327
- 6. Học viện Quan hệ quốc tế: *Ngoại giao Việt Nam từ thuở dựng nước đến trước Cách mạng tháng Tám 1945*, HN 2001, tr.30.
- 7., 8, 9, 10, 11, 12. *Đại Việt sử ký toàn thư*, t.1, tr.329.tr. 330-331, tr.330, tr. 332, tr.337, tr.325
- 13. Hồ Chí Minh: Trả lời phỏng vấn của phóng viên các báo về vấn đề đoàn kết, 26/12/1946, Toàn tập,t.4, tr.126.
- 14. Phan Huy Chú: *Lịch triều Hiến chương loại chí*, Bang giao chí (Viện Sử học dịch và chú giải), Nxb Giáo Dục, HN 2007, t.2, tr.534-535.